

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2- BẮC NINH  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/LĐ-ST

Ngày: 25/7/2025

V/v tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, Tỉnh Bắc Ninh**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2 – Bắc Ninh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc ninh tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 14/2025/TLST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần M

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, chức vụ: Nhân viên bảo hiểm công ty cổ phần M.

Địa chỉ: xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang

*Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Yên Viên, xã Vân Hà, huyện thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Nay là thôn Yên Viên, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn Khánh, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nay là thôn Khánh, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh

2. Bảo hiểm xã hội khu vực XI

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Minh T1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường D, thành phố B

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai H1 – Phó giám đốc Bảo Hiêm xã Hội khu vực XI.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:*

#### ***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:***

Ngày 19 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần M (Gọi tắt là Công ty M) có ký hợp đồng lao động số: 5400/ HĐLĐ -TGD giữa: đại diện của Công ty là ông Vũ Văn H2 – Phó tổng giám đốc và Chị Lê Thị T – sinh ngày 27 tháng 5 năm 1990. Đến nay, chị T đã liên hệ với Công ty để xác nhận người lao động trực tiếp tham gia lao động tại Công ty M là Đặng Thị H – sinh ngày 28/11/1995 chứ không phải chị T. Lý do có sự việc trên là chị H tại thời điểm ký hợp đồng lao động với Công ty thì chị H chưa đủ tuổi lao động. Vì thế, Công ty đã tiến hành rà soát phát hiện có sự việc chị H đã mượn hồ sơ của chị T để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì có việc trùng đóng bảo hiểm của chị T nên Công ty mới biết người đã ký hợp đồng lao động với Công ty không phải là chị Lê Thị T mà là chị Đặng Thị H.

Do người lao động khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực được quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động nên Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty M với người lao động là chị Lê Thị T vô hiệu.

#### ***Bị đơn chị Lê Thị T trình bày:***

Chị và chị Đặng Thị H có mối quan hệ họ hàng do hiểu biết pháp luật hạn chế và do nhu cầu việc làm để sinh sống của chị H nên chị đã đồng ý cho chị H mượn các giấy tờ tùy thân để chị H nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số: 5400/ HĐLĐ -TGD ngày 19/5/2011 với Công ty M. Theo đó, chị H đã làm việc tại Công ty M từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 thì nghỉ việc, chị H đã được Công ty M đóng bảo hiểm xã hội với số sổ: 2411009017 mang tên Lê Thị T.

Bản thân chị trước khi cho chị H mượn hồ sơ cá nhân để ký hợp đồng lao động với Công ty M thì chị cũng đang làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2014 chị đã được Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội với số sổ: 2412003942. Do có việc trùng thời gian đóng bảo hiểm là từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 nên chị không thực hiện được các chế độ liên quan đến bảo hiểm xã hội của chị được. Vì vậy, việc Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án Khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty M với Lê Thị T là vô hiệu thì chị đồng ý. Chị xác định chưa có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

#### ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:***

*Chị Đặng Thị H trình bày:* Chị và chị Lê Thị T có quan hệ họ hàng do có nhu cầu lao động nhưng chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn các giấy tờ tùy thân của chị T để nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 với Công ty M. Chị đã làm việc tại Công ty M từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 thì nghỉ việc, trong thời gian làm việc chị đã được Công ty M đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo sổ bảo hiểm xã hội số 2411009017 mang tên Lê Thị T.

Nay Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty M với chị Lê Thị T vô hiệu thì chị đồng ý. Chị không có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:*

Chị Lê Thị T, sinh ngày 27/5/21990, số CCCD 024190133118 (số CMT 121781150) có tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 mã số 2411009017 và 2412003942, thời gian trùng từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 ( 01 năm 11 tháng).

Mã số BHXH 2411009017 có thời gian tham gia từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 tại Công ty cổ phần M do Văn phòng BHXH khu vực XI quản lý thu. Mã số BHXH 2411009017 chưa hưởng các chế độ BHXH.

Mã số BHXH 2412003942 có thời gian tham gia từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2014 tại Công ty TNHH M do BHXH thị xã V quản lý thu; từ tháng 2/2015 đến tháng 12/2016 tại Công ty TNHH Samsung Electronics Vietnam do BHXH huyện Y quản lý thu; Từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2022 tại Công ty TNHH S (do Văn phòng B quản lý thu. Mã số BHXH 24120039428 đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng 11/2022.

Nay Công ty M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu thì BHXH tỉnh B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đặc thù tính chất công việc của Bảo hiểm xã hội khu vực XI, vậy BHXH khu vực xin được vắng mặt tại buổi làm việc tại các phiên tòa.

Các đương sự đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên

đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B1; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M, tuyên Hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số: 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty với chị Lê Thị T (Do chị Đặng Thị H đã ký hợp đồng lao động với Công ty) vô hiệu do vi phạm nguyên tắc Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo quy định Điều 15 Bộ luật lao động và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Trụ sở của Công ty M và địa chỉ của người lao động đều ở huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Các đương sự tự thỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nơi Công ty có trụ sở giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động. Hơn nữa, Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, kể



từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sơ thẩm vụ việc dân sự quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M, chị Lê Thị T, chị Đặng Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty M yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số: 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa đại diện Công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu HĐXX nhận thấy:

Trong quá trình tố tụng, chị T và chị H thống nhất nội dung chị T cho chị H mượn giấy tờ tùy thân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 tại Công ty cổ phần M theo mã sổ Bảo hiểm xã hội số 2411009017. Tuy nhiên, cũng cùng thời điểm chị T cho chị H mượn hồ sơ để làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty Cổ phần M thì chị T cũng làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH M với sổ bảo hiểm số 2412003942. Vì thế, hiện nay chị T đang là một người nhưng tham gia đóng bảo hiểm ở hai Công ty khác nhau vào cùng một khoảng thời gian là từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 dẫn đến chị không thực hiện được các quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội. Việc chị H mượn giấy tờ tùy thân của chị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty M đã vi phạm nguyên tắc trung thực tại khoản 1 Điều 15. Chị O cũng đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Đối với yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của Công ty M và đồng thời cũng đảm bảo quyền lợi cho chị Lê Thị T thì việc tuyên bố hợp đồng lao động số: 5400/HĐLĐ – TGD ngày 19/5/2011 vô hiệu là đúng pháp luật. Hơn nữa, chỉ khi hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ- GD vô hiệu thì Bảo hiểm xã hội khu vực XI mới căn cứ vào Quyết định của Tòa án và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B1 để xem xét, giải quyết các chế độ bảo hiểm cho chị Lê Thị T được.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang (Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI) đã có văn bản xác nhận: khoảng thời gian từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 tên Lê Thị T có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty M. Từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 tên Lê Thị T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M. Nội dung trả lời của M khu vực XI là

thông tin xác thực cho việc chị H không trung thực khi ký hợp đồng lao động là có thật và có việc đóng trùng bảo hiểm xã hội là đúng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ – GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty M và chị Lê Thị T vô hiệu.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu:

Các đương sự xác định không có thiệt hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B1; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử;

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên:**

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu.

- Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan bảo hiểm xã hội thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần M phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002665 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 2- Bắc Ninh). Xác định Công ty cổ phần M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hương Lan**

Ngày 19 tháng 05 năm 2011, Công ty Cổ phần M (Gọi tắt là Công ty H4) có ký hợp đồng lao động số: 5400/HĐLĐ - GD giữa: đại diện của Công ty là ông Vũ Văn H2 – Phó tổng giám đốc và Chị Lê Thị T – sinh ngày 27 tháng 05 năm 1990. Tuy nhiên, người lao động trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Cổ phần M là chị Đặng Thị H - sinh ngày 28/11/1995. Lý do có sự việc trên là chị H tại thời điểm ký hợp đồng lao động với Công ty thì chị O chưa đủ tuổi lao động. Vì thế, Công ty đã tiến hành rà soát phát hiện có sự việc chị O đã mượn hồ sơ của chị L để ký hợp đồng lao động với Công ty.

Hơn nữa, tại thời điểm chị L cho chị O mượn hồ sơ thì chị L cũng đang lao động và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH S với số sổ 2715029955 từ tháng 05/2015 đến nay. Vì có việc trùng đóng bảo hiểm của chị L nên Công ty mới biết người đã ký hợp đồng lao động với Công ty không phải là chị Hà Thị L mà là chị Hà Thị O.

Do người lao động khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực được quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động nên Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty M với người lao động là chị Hà Thị L vô hiệu.

*Bị đơn chị Hà Thị L trình bày:*

Chị và chị Hà Thị O có mối quan hệ họ hàng do hiểu biết pháp luật hạn chế và do nhu cầu việc làm để sinh sống của chị O nên chị đã đồng ý cho chị O mượn các giấy tờ tùy thân để chị O nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số: 14367/ HĐLĐ -TGĐ ngày 29/9/2017 với Công ty M. Theo đó, chị O đã làm việc tại Công ty M từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018 thì nghỉ, chị O đã được Công ty M đóng bảo hiểm xã hội với số sổ: 2414017349 mang tên Hà Thị L.

Bản thân chị trước khi cho chị O mượn hồ sơ cá nhân để ký hợp đồng lao động với Công ty M thì chị cũng đã làm việc tại Công ty M từ 06/2014 - 03/2015. Sau đó, chị nghỉ làm việc tại Công ty M thì chị đã chuyển sang làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 5/2015 cho đến nay và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ bảo hiểm là 2715029955 từ tháng 5/2015 đến nay. Do có việc trùng thời gian đóng bảo hiểm là từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018 nên chị không thực hiện được các chế độ liên quan đến bảo hiểm xã hội của chị được. Vì vậy, việc Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án Khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 14367/HĐLĐ-GD ngày 29/9/2017 giữa Công ty M với Hà Thị L là vô hiệu thì chị đồng ý. Chị xác định chưa có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Chị Hà Thị O trình bày:* Chị và chị Hà Thị L có quan hệ họ hàng do có nhu cầu



lao động nhưng chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn các giấy tờ tùy thân của chị L để nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 14367/HĐLĐ-GĐ ngày 29/9/2017 với Công ty M. Chị đã làm việc tại Công ty M từ tháng 9/2017 đến tháng 3/2018 thì nghỉ việc, trong thời gian làm việc chị đã được Công ty M đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo sổ bảo hiểm xã hội số 2414017349 mang tên Hà Thị L.

Nay Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 14367/HĐLĐ-GĐ ngày 29/9/2017 giữa Công ty M với chị Giáp Thị H3 vô hiệu thì chị đồng ý. Chị không có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI) có văn bản trình bày:*

Bà Hà Thị L, sinh ngày 02/8/1991 số CMT/CCCD 122032155/ 024191006015 tham gia BHXH tại 02 mã số BHXH 2414017349 và 2415029955, trùng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 03/2018 (06 tháng). Cụ Thể

+ Mã số BHXH 241401734 có thời gian tham gia từ tháng 10/2017 đến tháng 03/2018 tại Công ty cổ phần M do Văn phòng BHXH khu vực XI quản lý thu. Mã số BHXH 241401734 chưa hưởng các chế độ BHXH.

+ Mã số BHXH 2715029955 có thời gian tham gia từ tháng 6/2014 đến 03/2015 tại Công ty cổ phần M do Văn phòng BHXH khu vực XI quản lý thu; Tại tháng 5/2015 đến nay Tại Công ty TNHH S1 do BHXH liên huyện T – yên P quản lý thu. Mã số BHXH 2715029955 chưa hưởng các chế độ BHXH.

Nay Công ty M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 14367/HĐLĐ-GĐ ngày 29/9/2017 giữa Công ty cổ phần M với chị Hà Thị L vô hiệu thì BHXH tỉnh B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đặc thù tính chất công việc của Bảo hiểm xã hội khu vực XI, vậy BHXH khu vực xin được vắng mặt tại buổi làm việc tại các phiên tòa.

Các đương sự đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B1; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M, tuyên Hợp đồng lao động số 14367/HĐLĐ-GĐ ngày 29/9/2017 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Hà Thị L vô hiệu;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Lý do có sự việc trên là chị H tại thời điểm ký hợp đồng lao động với Công ty thì chị H chưa đủ tuổi lao động. Vì thế, chị H đã mượn hồ sơ của chị Lê Thị T để ký hợp đồng lao động với Công ty M từ tháng 06/2011 đến tháng 11/2013 với số sổ 2411009017 tên Lê Thị T.

Sau khi Công ty tiến hành rà soát thì đã phát hiện được sự việc chị H đã mượn hồ sơ của chị T. Hơn nữa, tại thời điểm chị T cho chị H mượn hồ sơ thì chị T cũng đang lao động và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH M với số sổ 2412003942 từ tháng 01/2012, dẫn đến thời điểm trùng đóng là từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 với số sổ 2411009017 tại Công ty CP M. H.

Do người lao động khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực được quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động nên Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty với người lao động chị Lê Thị T vô hiệu.

**Bị đơn chị Lê Thị T trình bày:** Chị và chị Đặng Thị H, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ họ hàng. Do trình độ hiểu biết

pháp luật còn hạn chế và cũng có mối quan hệ họ hàng nên khoảng tháng 12/2009 khi chị H hỏi mượn hồ sơ, thông tin cá nhân của chị thì chị có đưa cho chị Đặng Thị H mượn giấy tờ tùy thân của chị để chị nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 với Công ty cổ phần M.

Chị H làm việc tại Công ty M từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 thì nghỉ việc với sổ bảo hiểm xã hội số 2411009017 mang tên Lê Thị Thành

Trong khi đó, tại thời điểm từ tháng 01/2012 thì bản thân chị đang lao động trực tiếp tại Công ty TNHH M và được Công ty TNHH M có đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo sổ bảo hiểm xã hội số 2412003942 mang tên Lê Thị T từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2014. Do đó sổ bảo hiểm xã hội của chị bị trùng thời gian từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 với sổ số 2411009017 tại Công ty CP M.

Nay Công ty cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tuyên bố hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5 giữa đại diện công ty cổ phần M ông Vũ Văn H2 với Lê Thị T vô hiệu thì chị hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị không có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:***

***Chị Đặng Thị H trình bày:*** Chị và chị Lê Thị T sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Y, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ họ hàng. Vào khoảng tháng 12/2009 do hoàn cảnh khó khăn nhưng chưa đủ tuổi để đi xin việc nên chị đã mượn hồ sơ, thông tin cá nhân của chị T để nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 với Công ty cổ phần M (sau đây gọi là Công ty M). Chị đã làm việc tại Công ty M từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2013 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 tại Công ty M thì Công ty M có đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo sổ bảo hiểm xã hội số 2411009017 mang tên Lê Thị Thành

Nay Công ty cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tuyên bố hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa đại diện công ty cổ phần M ông Vũ Văn H2 với chị Lê Thị T vô hiệu thì chị hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị không có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

***Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:***

Chị Lê Thị T, sinh ngày 27/5/21990, số CCCD 024190133118 (số CMT 121781150) có tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 mã số 2411009017 và 2412003942, thời gian trùng từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 ( 01 năm 11 tháng).

Mã số BHXH 2411009017 có thời gian tham gia từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2013 tại Công ty cổ phần M do Văn phòng BHXH khu vực XI quản lý thu. Mã số BHXH 2411009017 chưa hưởng các chế độ BHXH.

Mã số BHXH 2412003942 có thời gian tham gia từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2014 tại Công ty TNHH M do BHXH thị xã V quản lý thu; từ tháng 2/2015 đến

tháng 12/2016 tại Công ty TNHH Samsung Electronics Vietnam do BHXH huyện Y quản lý thu; Từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2022 tại Công ty TNHH S (do Văn phòng B quản lý thu. Mã số BHXH 24120039428 đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng 11/2022.

Nay Công ty M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số giữa Công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu thì BHXH tỉnh B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đặc thù tính chất công việc của Bảo hiểm xã hội khu vực XI, vậy BHXH khu vực xin được vắng mặt tại buổi làm việc tại các phiên tòa.

Các đương sự đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M, tuyên bố Hợp đồng lao động số 5400/HĐLD-GĐ ngày 19/5/2011 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu, sinh năm 1990. Cư trú: Thôn Y, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Nay là thôn Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh) là vô hiệu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người sử dụng lao động Công ty M với người lao động tên Lê Thị T (do chị Đặng Thị H là người ký kết) vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định



quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Công ty M và người lao động ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú Tại Thôn Y, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thôn Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh). Tuy nhiên xác đương sự đã tự nguyện thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là nơi giải quyết tranh chấp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M, chị Lê Thị T, chị Đặng Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty CP M yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa Công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu, xét thấy:

Trong quá trình tố tụng, chị T và chị H thống nhất nội dung chị T cho chị H mượn giấy tờ tùy thân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ 6/2011 đến tháng 11/2013 tại Công ty cổ phần M theo mã số Bảo hiểm xã hội 2411009017. Công văn số 635/BHXXH-QLTST ngày 20/6/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013 đến tháng 11/2013 chị Lê Thị T tham gia bảo hiểm xã hội Công ty TNHH M với mã số Bảo hiểm xã hội 2412003942.

Theo khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật Lao động quy định khi giao kết hợp đồng phải trên nguyên tắc: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”* và người lao động có nghĩa vụ: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*.

Mặt khác theo Điều 49 của Bộ luật Lao động quy định: Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.

Thực tế người lao động ký kết hợp đồng với Công ty M từ tháng 11/2011 đến tháng 11/2013 là chị H, không phải chị T. Việc chị H mượn giấy tờ tùy thân của chị T



để giao kết hợp đồng lao động với Công ty M là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn chị Lê Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M về việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M đối với bị đơn chị Lê Thị T về việc yêu cầu hợp đồng lao động vô hiệu.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì chị Lê Thị T và chị Đặng Thị H có trách nhiệm liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang để thực hiện thủ tục hiệu chỉnh nhân thân trên sổ bảo hiểm số 2411009017 theo quy định pháp luật.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu:

Các đương sự xác định không có thiệt hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;
- Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên:**

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số 5400/HĐLĐ-GĐ ngày 19/5/2011 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Lê Thị T vô hiệu.

- Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Trường hợp đồng ý với việc giải quyết của cơ quan bảo hiểm xã hội thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Công ty cổ phần M phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002665 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Bắc Ninh). Xác định Công ty cổ phần M đã nộp đủ án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hương Lan**